

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2020

Về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mạc Thị Hồng

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

**- Đại diện VKSND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2020, về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1995 (có mặt)

HKTT: xóm A, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: xóm H, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Lưu Sỹ N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

HKTT: xóm A, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày:

Chị và anh Lưu Sỹ N kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, Phổ Yên, Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung cùng bố mẹ chồng khoảng 1 năm thì ra ở riêng, gần với nhà của bố mẹ. Từ khi vợ chồng ra ở riêng, anh N không tu chí, liên tục thay đổi chỗ làm việc, tiền lương cũng không đưa cho chị để lo toan kinh tế gia đình nên cuộc sống rất khó khăn. Do không thể tự lập được về kinh tế nên vợ chồng lại

quay về chung sống cùng bố mẹ chồng, anh N vẫn đi làm nhưng tiền lương đều sử dụng vào việc chơi cờ, sử dụng ma túy. Hiện tại cả 02 con còn nhỏ, con lớn bị bệnh bại não bẩm sinh từ nhỏ, không có khả năng nhận biết, không nói, đi lại được, thời gian của chị chủ yếu là chăm sóc cho con và hái chè phụ kinh tế nhà chồng.

Từ khi biết anh N nghiện ma túy, chị và gia đình đã động viên anh cai nghiện tại Trung tâm tư nhân trên thành phố Thái Nguyên, cai nghiện tại nhà 1 năm. Sau đó, anh N có xin gia đình cho đi làm, do tin tưởng anh đã cai được nên gia đình cho anh đi làm lại. Từ đó, anh lại giao du lại với bạn bè cũ và tái nghiện.

Có thời gian chị đã xin phép sang nhà ngoại ở để anh N suy nghĩ lại, nhưng anh không hề thay đổi, vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, anh được gia đình đưa đi cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm cai nghiện tại Phổ Yên. Hết thời gian cai nghiện anh vẫn không từ bỏ được ma túy, lại đi lang thang.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Tại phiên tòa hôm nay, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Tiến T, sinh ngày 31/7/2014 và Lưu Tiến Đ, sinh ngày 05/12/2015. Chị đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì bản thân anh N không có công ăn việc làm, nghiện nên không có khả năng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm tại công ty ACTRO VINA, mức lương trung bình khoảng 8-9 triệu/tháng, chị xác định có đủ khả năng để nuôi con.

Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Lưu Sỹ N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc do vậy không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu đề nghị nuôi con chung của V đối với anh.

Tại biên bản xác minh với bà Lê Thị H, mẹ đẻ anh Lưu Sỹ N cung cấp:

Ông bà tổ chức cưới cho anh N, chị V năm 2013, anh chị có đăng ký kết hôn. Sau đó chị V về làm dâu, ở chung cùng gia đình bà một thời gian, sau đó ra ở riêng khoảng 1 năm thì lại về ở chung cùng gia đình. Về mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, do anh N chơi cờ nên nghiện ma túy, được gia đình cai nghiện tại nhà nhưng không được. Cả 02 con của anh chị đều bị bệnh tật bẩm sinh, cháu lớn bị bại não, cháu thứ 2 yếu chân, đi lại khó khăn nên gia đình chị V có ý không muốn chị V tiếp tục chung sống cùng anh N. Từ tháng 8/2019, chị V xin phép gia đình về nhà bố mẹ đẻ chị V ở, thỉnh thoảng chị V có qua lại để thăm con. Nguyện vọng của gia đình là mong chị V suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ, cùng chăm sóc con cái. Nếu chị V cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương, ông Lưu Kim T - Công an viên xóm A, xã T cung cấp: Anh Lưu Sỹ N và chị Phạm Thị V là công dân của xóm A, xã T, Phổ Yên, Thái Nguyên.

Về mâu thuẫn giữa anh chị, chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Tại địa phương, anh N là đối tượng nghiện ma túy, thuộc diện theo dõi của địa phương. Thời gian đầu mới nghiện, gia đình cho cai nghiện tại nhà một thời gian đã cai nghiện được, tuy nhiên sau đó nghe bạn bè rủ rê, anh lại tái nghiện. Gần đây nhất gia đình cho đi cai nghiện tại Cơ sở tư vấn, điều trị cai nghiện tại Phổ Yên, thời gian 04 tháng. Hiện đã về địa phương nhưng vẫn thường xuyên giao du với các đối tượng nghiện ma túy của xóm, thường đi lang thang, không có công việc ổn định.

Quan điểm của địa phương là hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, trường hợp anh chị cương quyết ly hôn thì Tòa án căn cứ vào các quy định pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu ý kiến:

\*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, điều 266 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử ra quyết định các nội dung sau:

1. Về quan hệ hiin nhân: cho chị V được ly hôn anh N.

2. Về con chung: đề nghị giao con Lưu Tiến T, sinh ngày 31/7/2014 và Lưu Tiến Đ, sinh ngày 05/12/2015 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N cho đến khi chị V có yêu cầu.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung, không ai được cản trở việc thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh N.

- Tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung: không có, không xem xét.
- Án phí: Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của đương sự. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

### ***{1} Về tố tụng:***

*{1.1} Về thẩm quyền giải quyết:* chị Phạm Thị V và anh Lưu Sỹ N đều có hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã Thành C, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Chị Vui xin ly hôn, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

*{1.2} Về sự vắng mặt của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án (thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải) cho anh N tuy nhiên anh N không có mặt tại gia đình. Tòa án đã giao các văn bản trên cho bà Lê Thị H - là mẹ đẻ của anh N, bà H xác nhận anh N vẫn thường về gia đình, cam kết giao lại các văn bản tố tụng cho anh N, do đó xác định việc tổng đạt là hợp lệ, tuy nhiên anh N không đến Tòa án, do đó việc hòa giải tại Tòa án không thành, Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên căn cứ Điều 220 Bộ luật TTDS 2015, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Lưu Sỹ N.

***{2} Về nội dung:*** Chị Phạm Thị V khởi kiện xin ly hôn với anh Lưu Sỹ N và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con chung. Xét yêu cầu khởi kiện của chị V, HĐXX nhận thấy:

*{2.1}: Về quan hệ hôn nhân:* Chị V và anh N tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, anh N nghiện ma túy, đã tự cai tại nhà, đi cai nghiện tự nguyện nhưng anh không từ bỏ được ma túy. Vì nghiện ma túy anh không N không có trách nhiệm với gia đình mặc dù cả 02 con chung của hai anh chị đều mắc bệnh. Hơn nữa khi không có tiền anh lại lấy đồ đạc của gia đình đi cầm để có tiền mua ma túy sử dụng. Do anh không bỏ được ma túy nên chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 10/2019 cho đến nay và làm đơn xin ly hôn anh. Tại

phiên tòa ngày hôm nay, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh N vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Từ lời khai của chị V và quá trình xác minh tại gia đình, địa phương cho thấy, anh N nghiện ma túy là thật, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Thực tế anh chị đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa án cho thấy anh không có ý định hòa giải, muốn đoàn tụ vợ chồng.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, kéo dài và không có khả năng đoàn tụ nên cần chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh Nhật là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014.

{2.2} *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Tiến T, sinh ngày 31/7/2014 và Lưu Tiến Đ, sinh ngày 05/12/2015. Cả hai cháu từ khi sinh ra đã bị nhọc nhằn về thể chất. Hiện tại cả hai cháu đều do chị V và ông bà nội chăm sóc.

Do anh N vắng mặt nên không có ý kiến đề nghị giải quyết về con chung. Tại biên bản xác minh của Tòa án với mẹ đẻ anh N, bà Lê Thị H đã cung cấp: Từ khi chị V về nhà bố mẹ đẻ, hai con chung của anh chị do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V thỉnh thoảng có về thăm con và có đưa tiền cho bà để phụ vào nuôi dưỡng các cháu. Nếu chị V cương quyết xin ly hôn thì bà đề nghị giải quyết con chung của anh chị theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị V đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, HĐXX xét thấy: Hiện tại chị V đang làm công nhân tại công ty ACTRO VINA. Theo sổ phụ tài khoản tiền gửi chị V cung cấp cho Tòa án thể hiện mức lương trung bình của chị từ 9-10 triệu đồng/ tháng. Anh N vắng mặt nên cũng không thể giao con cho anh N trong trường hợp này, chị V đề nghị được nuôi cả hai con chung. HĐXX xét thấy cần thiết giao cả hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện, do vậy tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N cho đến khi chị V có yêu cầu.

{2.3} *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung*: không có.

{2.4} *Án phí*: chị Phạm Thị V chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH :**

**Áp dụng:** - Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266, 271,273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 51, 56, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Phạm Thị V với anh Lưu Sỹ N.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Lưu Sỹ N.

**2. Về con chung:** giao con chung Lưu Tiến T, sinh ngày 31/7/2014 và Lưu Tiến Đ, sinh ngày 05/12/2015 cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N cho đến khi chị V có yêu cầu.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về Tài sản chung vợ chồng, các khoản nợ chung, cho vay chung:** Không có nên không xem xét.

**4. Án phí:** Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0004598 ngày 03/01/2020.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị V, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết kết quả xét xử.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS t.x Phổ Yên;
- UBND xã T;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Thị Hồng**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mạc Thị Hồng**





**Nơi nhận:**

- VKSND, Tỉnh, Huyện;
- THA dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Chu Thị Hồng Hải***